| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ HÒA VANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 1529 /QĐ-UBND | *Hòa Vang, ngày 17 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản (đợt 1)**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÒA VANG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 47/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về danh mục dự án cần thu hồi đất bổ sung năm 2026 của các xã phường: Duy Nghĩa, Phú Thuận, Hà Nha, Thượng Đức, Phước Thành, Phước Chánh, Bến Hiên, Xuân Phú, Bà Nà, An Khê, Hải Vân, Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 91/2026/QĐ-UBND ngày 22/06/2026 của UBND TP Đà Nẵng quy định về phân cấp một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 135/2026/QĐ-UBND ngày 24/9/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc*

*phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định 61/2026/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng, mồ mả, thành phần công việc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 05 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định 101/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 18/4/2026 của UBND xã Hòa Vang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản, địa điểm: xã Hòa Vang – thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 22/4/2026 của UBND xã Hòa Vang về việc chấp thuận phương án tuyến, vị trí công trình tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản, địa điểm: Xã Hòa Vang - TP Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của UBND xã Hòa Vang về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản;*

*Căn cứ Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 28/10/2026 của UBND xã Hòa Vang về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất dự án Tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản, xã Hòa Vang;*

*Thực hiện Thông báo số 281/TB-UBND ngày 07/8/2026 của UBND xã Hòa Vang về Thông báo chủ trương triển khai đầu tư các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm";*

*Theo nội dung Báo cáo số 451/BC-UBND ngày 30/10/2026 của UBND xã Hòa Vang về việc xin ý kiến liên quan chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Tuyến đường ADB5 đi Bồ Bản;*

*Thực hiện Thông báo số 225-TB/ĐU ngày 06/11/2026 của Đảng ủy xã Hòa Vang về kết luận của Thường trực Đảng ủy tại cuộc họp Thường trực Đảng ủy ngày 04 tháng 11 năm 2026;*

*Thực hiện Biên bản họp ngày 10/11/2026 về việc xác định tính pháp lý về đất và tài sản gắn liền trên đất đối với các hộ thuộc diện giải tỏa dự án: Tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản, xã Hòa Vang;*

*Theo đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh khu vực IV tại Tờ trình số 499/TTr-CNKV4 ngày 16/11/2026 (đợt 1);*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Hòa Vang tại Tờ trình số 1783/TTr-KT ngày 16/11/2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản, xã Hòa Vang (đợt 1), bao gồm:

1. Giá trị phê duyệt: **254,051,920** đồng

*(Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, không trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm hai mươi đồng)*

Trong đó:

- Giá trị bồi thường về đất: **50,968,260** đồng;

- Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu: **5,018,660** đồng;

- Hỗ trợ khác: **198,065,000** đồng.

- Chi phí phục vụ giải tỏa: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng – Chi nhánh Khu vực 4 lập dự toán chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo khối lượng công việc thực tế.

2. Nguồn kinh phí chi trả: Vốn chi trả từ dự án.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh Khu vực 4 trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này:

- Niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại trụ sở UBND xã Hòa Vang và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

- Thông báo nhận tiền (kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường) cho hộ có tên tại danh sách kèm theo Quyết định này và tổ chức thực hiện chi trả theo quy định. Sau khi hoàn thành công tác chi trả, đơn vị phải lập thủ tục báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho đơn vị, tổ chức có chức năng thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Quyết định số 4546/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

- Lập dự toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khối lượng công việc thực tế và quyết toán theo quy định hiện hành.

- Theo dõi, kiểm tra các kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết của các hồ sơ, đảm bảo không trình phê duyệt trùng lặp.

2. Người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có): Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh Khu vực 4 quản lý để thực hiện dự án.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã Hoà Vang đăng tải Quyết định này trên cổng thông tin điện tử xã Hòa Vang.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã Hoà Vang; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng - Chi nhánh Khu vực 4; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hòa Vang; Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Khu vực IV, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và trường hợp giải toả có tên trong danh sách kèm theo căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 4;
- UBND thành phố;
- Sở NN&MT TP;
- CT, các PCT UBND xã;
- Thành viên HĐ GPMB;
- Lưu: VT, KT (Hường).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hồ Tăng Phúc**

# BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

**Dự án: Tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản, xã Hòa Vang (đợt 1)**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của UBND xã Hòa Vang)*

*Đơn vị: Đồng*

| TT | Sở hữu tài sản | Địa chỉ | Số HS | Đất | Cây cối hoa màu | Hỗ trợ khác | Tổng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hứa Đại Sự (Sản Xuất) | Xã Hòa Vang | 58 | | 113,960 | | 113,960 | |
| 2 | Trần Giang (Sản Xuất) | Xã Hòa Vang | 60 | | | | | |
| 3 | Ngô Thị Sinh (Sản Xuất) | Xã Hòa Vang | 64 | | | | | |
| 4 | Hứa Đại Sự (Sản Xuất) | Xã Hòa Vang | 66 | | | | | |
| 5 | Dương Quang Vũ (Sản Xuất) | Xã Hòa Vang | 68 | | | | | |
| 6 | Hộ Ông: Trần Phước Xang | Xã Hòa Vang | 70 | 4,795,980 | | 21,035,000 | 25,830,980 | |
| 7 | Hộ Bà: Ngô Thị Thích | Xã Hòa Vang | 72 | 5,562,060 | | 24,395,000 | 29,957,060 | |
| 8 | Hứa Đại Tín | Xã Hòa Vang | 74 | 5,578,020 | 937,440 | 24,465,000 | 30,980,460 | |
| 9 | Hộ: Hồ Lực | Xã Hòa Vang | 76 | 7,780,500 | | 34,125,000 | 41,905,500 | |
| 10 | Phan Thị Hàng Vi | Xã Hòa Vang | 78 | 3,686,760 | 572,880 | | 4,259,640 | |
| 11 | Hộ: Hồ Mạnh | Xã Hòa Vang | 80 | 9,440,340 | 1,466,920 | 41,405,000 | 52,312,260 | |
| 12 | Hồ Nhường | Xã Hòa Vang | 82 | 4,069,800 | | 17,850,000 | 21,919,800 | |
| 13 | Hồ Văn Chinh | Xã Hòa Vang | 84 | 3,790,500 | 887,840 | 16,625,000 | 21,303,340 | |
| 14 | Hồ Văn Minh | Xã Hòa Vang | 86 | 1,021,440 | | | 1,021,440 | |
| 15 | Hồ Văn Minh | Xã Hòa Vang | 88 | 893,760 | | | 893,760 | |
| 16 | Hồ Văn Chinh | Xã Hòa Vang | 90 | 4,141,620 | 822,120 | 18,165,000 | 23,128,740 | |
| 17 | Hồ Văn Minh | Xã Hòa Vang | 94 | 207,480 | 217,500 | | 424,980 | |
| **I** | **Tổng** | | | **50,968,260** | **5,018,660** | **198,065,000** | **254,051,920** | |

*( Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn triệu, không trăm năm mươi mốt nghìn, chín trăm hai mươi đồng y )*

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ**
**Dự án Tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản, xã Hòa Vang (đợt 1)**
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã Hòa Vang)*

**I/ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG TỪ ADB5 ĐI BỒ BẢN, XÃ HÒA VANG**

1) Tổng diện tích đất thu hồi: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 66.300m$^2$.

2) Tổng số người có đất thu hồi: Sơ bộ khoảng 125 hộ gia đình, cá nhân.

3) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Thực hiện theo Điều 16 Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

4) Phương án bố trí tái định cư: Các hồ sơ phê duyệt tại Quyết định này là đất nông nghiệp, không bố trí tái định cư.

5) Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: không có.

6) Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có.

7) Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm: tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí khác: Thực hiện theo Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng.

8) Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Theo Quyết định số 1483/KH-UBND ngày 20/10/2026 của UBND huyện Hòa Vang về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất để thực hiện dự án Tuyến đường từ ADB5 đi Bồ Bản;

9) Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Nêu tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

10) Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

**II. CÁC NỘI DUNG CHI TIẾT**

**I/ PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ ĐỐI VỚI TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:**

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1.** | **UBND xã**<br>Người sản xuất:<br>**Hứa Đại Sự**<br>CCCD: 048058004968<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **058** | **191,5**<br><br>**281/50** | **3,7** | **187,8** | - Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa 832 tờ BĐ 06 diện tích 1.480,0$m^2$ đất Nghĩa địa do UBND xã quản lý. Ông Hứa Đại Sự là người canh tác, sản xuất nông nghiệp trên đất trước thời điểm công bố quy hoạch.<br>- Hiện trạng: 04 cây chuối chưa có quả, chiều cao thân > 0,8m - < 1,5m | - Không bồi thường về đất cho DT: **3,7$m^2$**.<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND TPĐN. | 113.960 đồng | Không | |
| **2.** | **UBND xã**<br>Người sản xuất:<br>**Trần Giang**<br>CCCD: 048039002599 | **060** | **219,9**<br><br>**257/50** | **158,5** | **61,4** | - Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.271,0$m^2$ loại đất Hg do UBND xã quản lý. Ông Trần Giang là | - Không bồi thường về đất cho DT: **158,5$m^2$**. | 0 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | | | | | người canh tác, sản xuất nông nghiệp trên đất trước thời điểm công bố quy hoạch. Vụ trước trồng rau muống do vừa mới thu hoạch nên tại thời điểm kiểm đếm là đất trống.<br>- Hiện trạng: Đất trống | | | | |
| **3.** | **UBND xã**<br>Người sản xuất:<br>**Ngô Thị Sinh**<br>CCCD: 048141002628<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **064** | **98,4**<br><br>**256/50** | **83,3** | **15,1** | - Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.271,0$m^2$ loại đất Hg do UBND xã quản lý. Bà Ngô Thị Sinh là người canh tác, sản xuất nông nghiệp trên đất trước thời điểm công bố quy hoạch. Vụ trước trồng đậu phụng do vừa mới thu hoạch nên tại thời điểm kiểm đếm là đất trống.<br>- Hiện trạng: Đất trống | - Không bồi thường về đất cho DT: **83,3$m^2$**. | 0 đồng | Không | |
| **4.** | **UBND xã** | **066** | **48,4** | **35,2** | **13,2** | - Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử | - Không bồi thường về đất cho DT: | 0 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Người sản xuất: **Hứa Đại Sự** CCCD: 048058004968<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | | **252/50** | | | dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.271,0$m^2$ loại đất Hg do UBND xã quản lý. Ông Hứa Đại Sự là người canh tác, sản xuất nông nghiệp trên đất trước thời điểm công bố quy hoạch. Vụ trước trồng đậu phụng do vừa mới thu hoạch nên tại thời điểm kiểm đếm là đất trống.<br>- Hiện trạng: Đất trống | **35,2$m^2$**. | | | |
| **5.** | **UBND xã**<br>Người sản xuất: **Dương Quang Vũ** CCCD: 048074006318<br><br>Thôn Bồ | **068** | **146,6**<br><br>**246/50** | **52,3** | **94,3** | - Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.271,0$m^2$ loại đất Hg do UBND xã quản lý. Ông Dương Quang Vũ là người canh tác, sản xuất nông nghiệp trên đất trước | - Không bồi thường về đất cho DT: **52,3$m^2$**. | 0 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Bản – xã Hòa Vang | | | | | thời điểm công bố quy hoạch. Vụ trước trồng đậu phụng do vừa mới thu hoạch nên tại thời điểm kiểm đếm là đất trống.<br>- Hiện trạng: Đất trống | | | | |
| **6.** | **Hộ: Trần Phước Xang**<br>CCCD: 048067004512<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **070** | **125,4**<br><br>**249/50** | **60,1** | **65,3** | Hộ **Trần Phước Xáng** có GCN QSDĐ số 000306 được UBND huyện Hoà Vang (cũ) cấp ngày 24/9/1995 tại thửa 748, tờ bản đồ số 6, **DT: 125,0m²** đất màu.<br>- Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 6, diện tích 125,0m² đất màu đã được UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp GCN QSD đất cho hộ Trần Phước Xang. Không phải là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, hiện không có hộ khẩu tại địa phương. Là gia đình Liệt sỹ.<br>- Hiện trạng: Đất trống | Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/m²) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/m²)** cho **DT: 60,1m²**.<br>- Hỗ trợ 50% chuyển đổi ngành nghề (áp dụng theo điểm b, khoản 1, Điều 109 Luật Đất đai 2024 và khoản 1 Điều 16 Quyết định số 86/2025/QĐ-UBND ngày 08/12/2026 của UBND TP Đà Nẵng) theo giá đất 140.000đ/m² cho DT: **60,1m²** | 25.830.980 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | |
| **7.** | **Hộ: Ngô Thị Thích** CCCD: 048136003237<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **072** | **165,8**<br><br>**248/50** | **69,7** | **96,1** | Hộ **Ngô Thị Thích** có GCN QSDĐ số 00274 được UBND huyện Hoà Vang (cũ) cấp ngày 24/9/1995 tại thửa 748, tờ bản đồ số 6, **DT: 125,0m²** đất màu.<br>- Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 748, tờ bản đồ số 6, diện tích 125,0m² đất màu đã được UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp GCN QSD đất cho hộ bà Ngô Thị Thích ngày 24/9/1995. Là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú tại địa phương. Vụ trước trồng đậu phụng. Là vợ Liệt sỹ, gia đình có công cách mạng.<br>- Hiện trạng: Đất trống | - Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/m²) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/m²)** cho **DT: 69,7m²**.<br>- Hỗ trợ 50% chuyển đổi ngành nghề, đào tạo và tìm kiếm việc làm (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho **DT: 69,7m²**. | 29.957.060 đồng | Không | |
| **8.** | **Hứa Đại Tín** | **074** | **266,7** | **75,6** | **191,1** | Hộ **Đặng Thị Trâm** có GCN QSDĐ số 00336 được UBND | - Bồi thường 50% giá đất trồng cây | 30.980.460 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | CCCD: 048136003237<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | | **274/50** | | | huyện Hoà Vang (cũ) cấp ngày 24/9/1995 tại thửa 831, tờ bản đồ số 6, **DT: 240,0m²** đất màu.<br>- Để thừa kế cho ông **Hứa Đại Tín** được Chi nhánh VPĐK đất đai tại huyện Hòa Vang (cũ) xác nhận ngày 10/12/2019.<br>- Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 831, tờ bản đồ số 6, diện tích 240,0m² đất màu do bà Đặng Thị Trâm đăng ký, đã được UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp GCN QSD đất. Đã thừa kế cho ông Hứa Đại Tín ngày 10/12/2019. Là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp.<br>- Hiện trạng: Cỏ voi<br>DTTH có 5.7m² nằm ngoài GCN thuộc đất giao thông . | hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/m²) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14*. **Thành tiền: 159.600đ/m²)** cho **DT: 69,9m²**.<br>- Không bồi thường về đất cho DT: **5,7m²**.<br>- Hỗ trợ 50% chuyển đổi ngành nghề, đào tạo và tìm kiếm việc làm (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho **DT: 69,9m²**.<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND TPĐN. | | | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | DTTH trong GCN: 69,9$m^2$. | | | | |
| **9.** | **Hộ: Hồ Lực**<br>CCCD: 048051000109<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **076** | **363,7**<br><br>**269/50** | **97,5** | **266,2** | Hộ **Hồ Lực** có GCN QSDĐ số 00261 được UBND huyện Hoà Vang (cũ) cấp ngày 24/9/1995 tại thửa 830, tờ bản đồ số 6, **DT: 336,0$m^2$** đất màu.<br>- Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 830, tờ bản đồ số 6, diện tích 336,0$m^2$ đất màu do ông Hồ Lực đăng ký, đã được UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp GCN QSD đất. Là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Vụ trước trồng đậu phụng do vừa mới thu hoạch nên tại thời điểm kiểm đếm là đất trống. Vợ ông Trần Lực là bà Trần Thị Cang, là đối tượng bị tù đày.<br>- Hiện trạng: Đất trống<br>DTTH trong GCN: 97,5$m^2$. | - Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/$m^2$) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/$m^2$)** cho **DT: 97,5$m^2$**.<br>- Hỗ trợ 50% chuyển đổi ngành nghề, đào tạo và tìm kiếm việc làm (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/$m^2$ cho **DT: 97,5$m^2$**. | 41.905.500 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **10.** | **Phan Thị Hàng Vi CCCD: 048170006006**<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **078** | **350,0**<br><br>**238/50** | **46,2** | **303,8** | Bà **Phan Thị Hàng Vi** có GCN QSDĐ số AA07149482 được Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17/3/2026 tại thửa 238, tờ bản đồ số 50, **DT: 350,0m²** đất trồng lúa.<br>- Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP thuộc thửa đất số 827, tờ bản đồ số 6 đất lúa đã được Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Đà Nẵng cấp GCN QSD đất số AA07149482 ngày 17/3/2026 cho bà Phan Thị Hàng Vi. Bà Vi hiện là công nhân tại Công ty TNHH Matrix Việt Nam. Là đối tượng thuộc điểm a,b,c,d tại khoản 1 điều 22 NĐ 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ (bà Vi đang là hợp đồng lao động không xác định thời hạn). | - Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/$m^2$) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/$m^2$)** cho **DT: 46,2$m^2$**.<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND TPĐN. | 4.259.640 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - Hiện trạng: Lúa<br>DTTH trong GCN: 46,2$m^2$. | | | | |
| **11.** | **Hộ: Hồ Mạnh**<br>**CCCD: 048072000921**<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **080** | **927,1**<br><br>**227/50** | **118,3** | **808,8** | Hộ **Hồ Mạnh** có GCN QSDĐ số 000300 được UBND huyện Hoà Vang (cũ) cấp ngày 24/9/1995 tại thửa 827, tờ bản đồ số 50, **DT: 834,0$m^2$** đất lúa.<br>- Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 227, tờ bản đồ số 50, diện tích 834,0$m^2$ đất lúa đã được UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp GCN QSD đất cho hộ Hồ Mạnh ngày 24/9/1995. Là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú tại địa phương.<br>- Hiện trạng: Lúa<br>DTTH trong GCN: 118,3$m^2$. | - Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/$m^2$) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/$m^2$)** cho **DT: 118,3$m^2$**.<br>- Hỗ trợ 50% chuyển đổi ngành nghề, đào tạo và tìm kiếm việc làm (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/$m^2$ cho **DT: 118,3$m^2$**.<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND TPĐN. | 52.312.260 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **12.** | **Hồ Nhường CCCD: 048074004796**<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **082** | **128,7** | **57,9** | **70,8** | Hộ **Nguyễn Thị Hơn** có GCN QSDĐ số 00283 được UBND huyện Hoà Vang (cũ) cấp ngày 24/9/1995 tại thửa 829, tờ bản đồ số 6, **DT: 106,0m²** đất 2L.<br>- Để thừa kế và tặng cho cho ông **Hồ Nhường** được Chi nhánh VPĐK đất đai tại huyện Hòa Vang (cũ) xác nhận ngày 05/6/2024.<br>- Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 829, tờ bản đồ số 6, diện tích 106,0m² đất 2 lúa do bà Nguyễn Thị Hơn đăng ký, đã được UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp GCN QSD đất. Để thừa kế và tặng cho cho ông Hồ Nhường ngày 05/6/2024. Thửa đất có một phần DT thuộc đất giao thông. Là cá nhân trực tiếp sản | - Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/m²) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/m²)** cho **DT: 51,0m²**.<br>- Không bồi thường về đất cho diện tích nằm ngoài GCN thuộc đất giao thông: **6,9m²**<br>- Hỗ trợ 50% chuyển đổi ngành nghề, đào tạo và tìm kiếm việc làm (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/m² cho **DT: 51,0m²**. | 21.919.800 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú tại địa phương.<br>- Hiện trạng: Đất trống<br>- DTTH có 6,9$m^2$ nằm ngoài GCN thuộc đất giao thông.<br>DTTH trong GCN: 51,0$m^2$. | | | | |
| **13.** | **Hồ Văn Chinh CCCD: 048067003812**<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **084** | **348,4**<br><br>**234/49** | **71,6** | **276,8** | Ông **Hồ Văn Chinh** có GCN QSDĐ số 000267 được UBND huyện Hoà Vang (cũ) cấp ngày 24/9/1995 tại thửa 828, tờ bản đồ số 6, **DT: 338,0$m^2$** đất lúa.<br>- Bản xác nhận của UBND xã Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 828, tờ bản đồ số 6 diện tích 338,0$m^2$ đất lúa đã được UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp GCN QSD đất cho ông Hồ Văn Chinh. Thửa đất có một phần DT thuộc đất giao thông. Là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú | - Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/$m^2$) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/$m^2$)** cho **DT: 47,5$m^2$**.<br>- Không bồi thường về đất cho diện tích nằm ngoài GCN thuộc đất giao thông: **24,1$m^2$**.<br>- Hỗ trợ 50% chuyển đổi ngành nghề, đào tạo và tìm kiếm việc làm (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất | 21.303.340 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | tại địa phương.<br>- Hiện trạng: Lúa<br>DTTH có 24,1$m^2$ nằm ngoài GCN thuộc đất giao thông.<br>DTTH trong GCN: 47,5$m^2$ | 140.000đ/$m^2$ cho **DT: 47,5$m^2$**.<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND TPĐN. | | | |
| **14.** | **Hồ Văn Minh CCCD: 048065000681**<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **086** | **220,0**<br><br>**523/49** | **12,8** | **207,2** | Ông **Hồ Văn Minh** có GCN QSDĐ – QSHN ở và TSK GLVĐ số CTs238425 do Sở TNMT TPĐN cấp ngày 02/6/2022 tại thửa 523, tờ BĐ 49, DT **220,0$m^2$** (trong đó đất ở: 120,0$m^2$; đất TCHNK: 100,0$m^2$).<br>- Hiện trạng: Không có nhà ở trên đất, đất trống không có cây cối<br>DTTH trong GCN thuộc đất TCHNK: 12,8$m^2$. | Tại Biên bản tiếp dân vận động bàn giao mặt bằng, chủ hộ thống nhất chọn phần DTTH là đất TCHNK trong GCN:<br>**- Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất không có nhà ở:**<br>- Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/$m^2$) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/$m^2$)** cho **DT: 12,8$m^2$**. | 1.021.440 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | |
| **15.** | **Hồ Văn Minh CCCD: 048065000681**<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | **088** | **180,7**<br><br>**522/49** | **11,2** | **169,5** | Ông **Hồ Văn Minh** có GCN QSDĐ – QSHN ở và TSK GLVĐ số CTs238422 do Sở TNMT TPĐN cấp ngày 02/6/2022 tại thửa 522, tờ BĐ 49, DT 180,7$m^2$ (trong đó đất ở: 120,0$m^2$; đất TCHNK: 60,0$m^2$).<br>- Hiện trạng: Không có nhà ở trên đất, đất trống không có cây cối<br>DTTH trong GCN thuộc đất TCHNK: 11,2$m^{2.}$ | Tại Biên bản tiếp dân vận động bàn giao mặt bằng, chủ hộ thống nhất chọn phần DTTH là đất TCHNK trong GCN:<br>**- Đất nông nghiệp trong cùng thửa đất không có nhà ở:**<br>- Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/$m^2$) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/$m^2$)** cho **DT: 11,2$m^2$**. | 893.760 đồng | Không | |
| **16.** | **Hồ Văn Chinh CCCD: 048067003812**<br><br>Thôn Bồ | **090** | **580,9**<br><br>**216/49** | **66,3** | **514,6** | Ông **Hồ Văn Chinh** có GCN QSDĐ số 000267 được UBND huyện Hoà Vang (cũ) cấp ngày 24/9/1995 tại thửa 826, tờ bản đồ số 6, **DT: 536,0$m^2$** đất lúa.<br>- Bản xác nhận của UBND xã | - Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/$m^2$) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/$m^2$)** | 23.128.740 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Bản – xã Hòa Vang | | | | | Hòa Vang về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích, hiện trạng và quá trình sử dụng đất, tài sản trên đất của hộ giải tỏa, nội dung: Đối chiếu bản đồ 64/CP phần DT thu hồi thuộc thửa đất số 826, tờ bản đồ số 6 diện tích 536,0$m^2$ đất lúa đã được UBND huyện Hòa Vang (cũ) cấp GCN QSD đất cho ông Hồ Văn Chinh. Thửa đất có một phần DT thuộc đất giao thông. Là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có hộ khẩu thường trú tại địa phương.<br>- Hiện trạng: Lúa<br>DTTH trong GCN: 51,9$m^2$<br>DTTH có 14,4$m^2$ nằm ngoài GCN thuộc đất giao thông. | cho **DT: 51,9$m^2$**.<br>- Không bồi thường về đất cho diện tích nằm ngoài GCN thuộc đất giao thông: **14,4$m^2$**<br>- Hỗ trợ 50% chuyển đổi ngành nghề, đào tạo và tìm kiếm việc làm (áp dụng theo khoản 1 điều 16 tại QĐ số 86/2025/QĐ-UBND) theo giá đất 140.000đ/$m^2$ cho **DT: 51,9$m^2$**.<br>- Bồi thường 100% cây cối hoa màu theo Quyết định 81/2026/QĐ-UBND ngày 09/6/2026 của UBND TPĐN. | | | |
| **17.** | **Hồ Văn Minh CCCD: 04806500** | **094** | **948,1**<br><br>**521/49** | **2,6** | **945,5** | Ông Hồ Văn Minh có GCN QSDĐ – QSHN ở và TSK GLVĐ số CTs215349 do Sở TNMT TPĐN cấp ngày | Tại Biên bản tiếp dân vận động bàn giao mặt bằng, chủ hộ thống nhất chọn | 424.980 đồng | Không | |

| STT | Họ Và Tên | Số HS | DTSD ($m^2$) | DTTH ($m^2$) | DT CL ($m^2$) | Giấy tờ & Nguồn gốc sử dụng đất, nhà | Mức bồi thường, hỗ trợ và các kết quả đã giải quyết | Số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) | Bố trí tái định cư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **0681**<br><br>Thôn Bồ Bản – xã Hòa Vang | | | | | 09/02/2021 tại thửa 235, tờ BĐ 49, DT 1.348,8$m^2$ (trong đó đất ở: 400,0$m^2$; đất TCHNK: 948,8$m^2$).<br>Trên đất có nhà ở.<br>- Hiện trạng: 6 cây chuối chưa có quả, chiều cao thân > 1,5m<br>- DTTH trong GCN thuộc đất TCHNK: 2,6$m^2$. | phần DTTH là đất TCHNK trong GCN:<br>- Bồi thường 50% giá đất trồng cây hàng năm *(đơn giá 140.000đồng/$m^2$) x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,14.* **Thành tiền: 159.600đ/$m^2$)** cho **DT: 2,6$m^2$**. | | | |

## II. CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. Nguồn kinh phí chi trả: Vốn chi trả từ dự án.
2. Các nội dung khác có liên quan (nếu có): Không./.